

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN SƠN DƯƠNG
TỈNH TUYÊN QUANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **15 /2023/DS-ST.**

Ngày: 22/9/2023

Về việc: *Tranh chấp hợp đồng tín dụng*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN SƠN DƯƠNG, TỈNH TUYÊN QUANG

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Bà **Tạ Hồng Chiến**

Các Hội thẩm nhân dân Ông Hoàng Văn Hùng và ông Nguyễn Danh Long

- *Thư ký phiên tòa:* Bà **Phạm Thị Huệ** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang tham gia phiên tòa:* Ông **Hoàng Hữu Trí** – Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 9 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Sơn Dương mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 32/2023/TLST-DS ngày 16 tháng 5 năm 2023, về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 11/2023/TLST-DS ngày 12/7/2023, quyết định hoãn phiên tòa số 27/2023/QĐST-DS ngày 28/7/2023, quyết định ngừng phiên tòa số 07/2023/QĐST-DS ngày 23/8/2023 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ngân hàng N.. Địa chỉ: Số 2, đường L, phường T, quận Đ, thành phố Hà Nội. Người đại diện theo pháp luật: Ông Phạm Toàn V. - chức vụ: Tổng giám đốc Agribank.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Huy T. - Chức vụ: Giám đốc Ngân hàng N.. Địa chỉ: tổ dân phố Đ, thị trấn S, huyện S, tỉnh Tuyên Quang.

Người nhận ủy quyền lại: Bà Đặng Thị Thúy H - Chức vụ: Giám đốc Phòng giao dịch T. (vắng mặt, có đơn xin xử vắng mặt).

- *Bị đơn:* Anh Chu Văn M., sinh năm 1984;

Địa chỉ: Thôn T, xã M, huyện S, tỉnh Tuyên Quang (vắng mặt không có lý do).

- *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:* Bà Phạm Thị O., sinh năm 1949;

Địa chỉ: Thôn T, xã M, huyện S, tỉnh Tuyên Quang (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện, bản tự khai của nguyên đơn và lời trình bày của đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trong quá trình giải quyết vụ án thể hiện: Ngày 26/11/2015 Anh Chu Văn M. có ký Hợp đồng tín dụng số 800/HĐTD với Ngân hàng N.

– Phòng giao dịch T. (viết tắt là Ngân hàng) với nội dung: Anh M. vay Ngân hàng số tiền 450.000.000 đồng (bốn trăm năm mươi triệu đồng), thời hạn vay 12 tháng, lãi suất tiền vay 7%/năm, lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất tiền vay trong hạn. Cùng ngày 26/11/2015 bà Phạm Thị O. (mẹ đẻ anh M.) và anh Chu Văn M. ký Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất (QSD đất) và tài sản gắn liền với đất số 800 với nội dung bà O. đồng ý thế chấp thửa đất số 00, tờ bản đồ số 00, diện tích 360m² tại thôn T, xã M, huyện S và tài sản gắn liền với đất là 01 nhà xây cấp 4, diện tích 90m² của gia đình cho Ngân hàng để đảm bảo khoản tiền vay của anh Chu Văn M. (diện tích đất trên chưa được cấp giấy chứng nhận QSD đất). Sau khi thẩm định hồ sơ, tài sản đảm bảo, Ngân hàng đã đồng ý giải ngân cho anh M. vay số tiền 450.000.000 đồng (bốn trăm năm mươi triệu đồng).

Quá trình thực hiện Hợp đồng, anh M. chỉ trả được khoản tiền gốc 51.900.000 đồng, hiện còn nợ số tiền gốc 398.100.000 đồng và lãi suất theo quy định. Sau đó anh M. không trả được tiền lãi và gốc như đã cam kết, Ngân hàng đã nhiều lần yêu cầu anh nhưng anh M. vẫn không trả được tiền. Thời gian phát sinh nợ quá hạn đã lâu, anh M. không trả tiền còn bỏ đi khỏi địa phương làm ảnh hưởng nghiêm trọng đến quyền, lợi ích hợp pháp của Ngân hàng.

Do vậy, Ngân hàng có đơn khởi kiện đề nghị Toà án nhân dân huyện Sơn Dương giải quyết: - Buộc anh Chu Văn M. có nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng N. toàn bộ số tiền nợ tạm tính đến ngày 01/4/2023 là **735.324.700 đồng** (bảy trăm ba mươi lăm triệu, ba trăm hai mươi bốn nghìn, bảy trăm đồng), trong đó: nợ gốc là 398.100.000 đồng, nợ lãi và lãi phạt quá hạn là 337.224.700 đồng.

- Anh Chu Văn M. tiếp tục trả lãi phát sinh theo mức lãi suất thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng số 800/HĐTD ngày 26/11/2015 đã ký giữa Ngân hàng với anh M. cho đến khi anh M. trả hết số nợ gốc cho Ngân hàng.

- Không yêu cầu giải quyết, xử lý đối với tài sản thế chấp.

* Lời khai người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Phạm Thị O. khai trong hồ sơ thể hiện: Năm 2015 anh Chu Văn M. có được vay tiền của Ngân hàng là thực tế. Do bà và anh M. có quan hệ mẹ con và ở chung một nhà nên bà đồng ý thế chấp tài sản là nhà, đất của bà đang sử dụng cho anh M. để vay tiền Ngân hàng lấy vốn làm ăn. Do làm ăn thua lỗ anh M. không có tiền trả cho Ngân hàng nên đã phải đi làm ăn xa để có thu nhập. Nhà đất trên là tài sản duy nhất của bà, đất chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng. Đề nghị Tòa án xem xét tuyên buộc anh Chu Văn M. có nghĩa vụ trả tiền cho Ngân hàng và không phát mại tài sản là nhà đất của bà.

* Bị đơn anh Chu Văn M. không có mặt ở địa phương, kết quả xác minh tại địa phương thể hiện: Anh Chu Văn M. đăng ký HKTT tại: Thôn T, xã M, huyện S, tỉnh Tuyên Quang. Từ năm 2022 anh M. đi làm ăn xa, khi đi không báo chính quyền địa phương, không làm thủ tục tạm trú, tạm vắng nên địa phương không xác định được địa chỉ cụ thể của anh M. ở đâu.

Quá trình giải quyết do bị đơn không có mặt ở địa phương, bà O. chân đau, sức khỏe yếu không đến Tòa án làm việc được nên Tòa án chỉ tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ với nguyên đơn mà không tiến hành hòa giải được.

* Ý kiến của Viện kiểm sát nhân dân huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang:

- Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký và việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn khi

tham gia tố tụng dân sự đều đảm bảo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; Bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình.

- Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng N. buộc anh Chu Văn M. có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng tổng số tiền nợ tạm tính đến ngày 01 tháng 4 năm 2023 là 735.324.700 đồng (bảy trăm ba mươi lăm triệu, ba trăm hai mươi bốn nghìn, bảy trăm đồng), trong đó: nợ gốc là 398.100.000 đồng, nợ lãi và lãi phạt quá hạn là 337.224.700 đồng và lãi phát sinh theo Hợp đồng tín dụng số 800/HĐTD ngày 26/11/2015 đã ký giữa Ngân hàng với anh M.. Đề nghị xem xét giải quyết buộc anh M. phải chịu án phí và tuyên quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng và quan hệ tranh chấp:

Anh Chu Văn M. đăng ký HKTT tại: Thôn T, xã M, huyện S, tỉnh Tuyên Quang. Ngày 26/11/2015 anh M. có ký Hợp đồng tín dụng với Ngân hàng N. - chi nhánh huyện Sơn Dương để vay số tiền 450.000.000 đồng (bốn trăm năm mươi triệu đồng), mục đích vay mua bán hàng nông sản. Do vậy, quan hệ pháp luật ở đây được xác định là “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang theo quy định tại Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Anh M. đã đi khỏi địa phương từ năm 2022 không báo chính quyền địa phương, không báo cho Ngân hàng biết, Tòa án đã triệu tập nhiều lần nhưng anh M. không đến làm việc. Đây được xác định thuộc trường hợp bị đơn cố tình dấu địa chỉ, cố tình trốn tránh nghĩa vụ với Ngân hàng. Tại phiên tòa, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn anh Chu Văn M. vắng mặt không có lý do, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Phạm Thị O. vắng mặt. Do vậy, Tòa án vẫn tiến hành giải quyết vụ án và xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định tại Điều 28, 35, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2]. Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Căn cứ tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ, lời trình bày của đại diện Ngân hàng và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan; căn cứ Hợp đồng tín dụng số 800/HĐTD ngày 26/11/2015 giữa Ngân hàng với anh Chu Văn M., Kết luận giám định số 1179/KL-KTHS của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Tuyên Quang ngày 05/9/2023 thể hiện: Ngày 26/11/2015 Anh Chu Văn M. vay Ngân hàng N. số tiền 450.000.000 đồng (bốn trăm năm mươi triệu đồng), mục đích vay mua bán hàng nông sản, thời hạn vay 12 tháng, lãi suất tiền vay 7%/năm, lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất tiền vay trong hạn là thực tế. Tuy nhiên, anh Chu Văn M. đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ, Ngân hàng đã nhiều lần yêu cầu anh M. trả nợ nhưng anh M. chỉ trả được một ít tiền gốc và chuyển đi khỏi địa phương mà không thông báo địa chỉ nơi cư trú mới cho Ngân hàng. Do đó, Ngân hàng có đơn khởi kiện đề nghị Tòa án giải quyết buộc anh Chu Văn M. có nghĩa vụ trả tiền nợ gốc và lãi cho Ngân hàng là có cơ sở, phù hợp thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng và quy định tại Điều 280, 466 của Bộ luật Dân sự.

Từ nhận định trên, có đủ cơ sở chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng buộc anh Chu Văn M. có nghĩa vụ trả tiền cho Ngân hàng số tiền còn nợ tạm tính đến ngày 01 tháng 4 năm 2023 là 735.324.700 đồng (bảy trăm ba mươi lăm triệu, ba trăm hai mươi bốn nghìn, bảy trăm đồng), trong đó: nợ gốc là 398.100.000 đồng, nợ lãi và lãi phạt quá hạn là 337.224.700 đồng và phải chịu lãi phát sinh theo Hợp đồng tín dụng số 800/HĐTD ngày 26/11/2015 đã ký giữa Ngân hàng với anh M..

[3]. Về các vấn đề khác:

Tại Hợp đồng thế chấp số 800 ngày 26/11/2015 giữa Ngân hàng với bà Phạm Thị O., anh Chu Văn M. thể hiện việc bà O. đồng ý thế chấp tài sản là Quyền sử dụng đất tại thửa đất số 00, tờ bản đồ số 00, diện tích 360m² tại thôn T, xã M, huyện S và tài sản gắn liền với đất là 01 nhà xây cấp 4 để đảm bảo khoản tiền vay của anh Chu Văn M. với Ngân hàng. Do đất chưa được cấp giấy chứng nhận QSD và Ngân hàng có quan điểm không đề nghị Tòa án xem xét xử lý đối với tài sản bảo đảm nên HĐXX không xem xét.

Tại giấy đề nghị vay vốn có chữ ký của người thừa kế bà Phạm Thị O., quá trình giải quyết các đương sự xác định khoản vay trên do anh M. vay và sử dụng, không liên quan đến bà O. nên không đề nghị Tòa án xem xét giải quyết. Do vậy, HĐXX không xem xét.

[4]. Về án phí và quyền kháng cáo:

- Anh Chu Văn M. phải chịu 33.412.988 đồng, tính tròn số là 33.413.000 đồng (ba mươi ba triệu bốn trăm mười ba nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch.

- Ngân hàng không phải chịu án phí, trả lại cho Ngân hàng số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 16.706.500 đồng (mười sáu triệu bảy trăm linh sáu nghìn năm trăm đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0002777 ngày 11 tháng 5 năm 2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Sơn Dương.

- Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào Điều 26, 35, 39, 147, 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự. Điều 290, 342, 343, 344, 412, 471, 474, 476, 715, 716 Bộ luật dân sự năm 2005; Điều 91, 94 Luật các tổ chức tín dụng; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Buộc anh Chu Văn M. có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng N. chi nhánh huyện Sơn Dương số tiền còn nợ tính đến ngày 01/4/2023 là 735.324.700 đồng (bảy trăm ba mươi lăm triệu, ba trăm hai mươi bốn nghìn, bảy trăm đồng), trong đó số tiền nợ gốc là 398.100.000 đồng, số tiền lãi và lãi phạt quá hạn là 337.224.700 đồng, tổng cộng.

Kể từ ngày 02/4/2023, anh Chu Văn M. còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi của số tiền nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất mà các bên đã thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng số 800/HĐTD ngày 26/11/2015 đã ký giữa anh Chu Văn M. với Ngân hàng cho đến khi anh M. thanh toán hết số nợ gốc trên cho Ngân hàng.

3. Về án phí và quyền kháng cáo:

- Anh Chu Văn M. phải chịu 33.412.988 đồng, tính tròn số là 33.413.000 đồng (ba mươi ba triệu bốn trăm mười ba nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch.

- Ngân hàng không phải chịu án phí, trả lại cho Ngân hàng số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 16.706.500 đồng (mười sáu triệu bảy trăm linh sáu nghìn năm trăm đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0002777 ngày 11 tháng 5 năm 2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Sơn Dương.

- Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh TQ;
- VKSND huyện SD;
- CC THA DS huyện SD;
- Các đương sự;
- Lưu HS vụ án;
- Lưu TA.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Tạ Hồng Chiến